

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA DINH

BÁO C

Kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố đôi
154/2025/NĐ-CP và người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc nhưng
(bao gồm thôn, TDP sắp xếp :
(Tính đến ngày)

STT	Đơn vị hành chính cấp xã	Thực trạng thôn, TDP						Số lượng KCT thôn, TDP trước sắp xếp, kiện toàn (bao gồm thôn, TDP sắp xếp và thôn, TDP không sắp xếp)			Số lượng th
		Số thôn/TDP trước sắp xếp	Số thôn, TDP thực hiện sắp xếp	Số lượng thôn, TDP tính đến ngày 01/7/2026				Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng
				Tổng cộng	Số thôn, TDP hình thành sau sắp xếp	Số thôn, TDP không sắp xếp	Số thôn, TDP giảm so với trước sắp xếp		Số lượng KCT thôn, TDP thuộc thôn, TDP sắp xếp	Số lượng KCT thuộc thôn, TDP không sắp xếp	
1	2	3	4	5=(6+7)	6	7	8	9=(10+11)	10	11	12=(13+14)
1	Xã Ba Dinh	10	4	8	2	6	2	20	8	12	16

Lưu ý: (cột 16) Số lượng nghỉ theo ND 154 được xác định trên cơ sở phương án sắp xếp và phươn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 01

CÁO

i dư nghỉ việc do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP
g không thuộc đối tượng theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP
xếp và không sắp xếp)
v 22/8/2026)

Số lượng KCT thôn, TDP tiếp tục bố trí KCT thôn, TDP sau sắp xếp, kiện toàn		Số lượng KCT thôn, TDP nghỉ việc sau sắp xếp thôn, TDP và kiện toàn				Ghi chú
Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:			
Số lượng KCT thôn, TDP thuộc thôn, TDP <u>sắp xếp</u> tiếp tục bố trí KCT thôn, TDP	Số lượng KCT thôn, TDP thuộc thôn, TDP <u>không sắp xếp</u> tiếp tục bố trí KCT thôn, TDP		Số lượng KCT thôn, TDP <u>thuộc thôn, TDP sắp xếp</u>		Số lượng KCT thôn, TDP nghỉ việc <u>thuộc thôn, TDP không sắp xếp</u>	
			Nghỉ việc <u>thuộc đối tượng</u> nghỉ theo NĐ 154	Nghỉ việc <u>không thuộc đối tượng</u> nghỉ theo NĐ 154		
13	14	15=(16+17+18)=(9-12)	16	17	18	19
6	10	4	2	0	2	Cột 12–14 chỉ tính 16 người cũ tiếp tục bố trí; 02 người mới thay thế ông Cam, ông Tin không tính là người tiếp tục.

g án nhân sự của từng thôn, TDP sắp xếp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Sở Nội vụ

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THỜI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, TDP NGHỈ VIỆC KHÔNG
(bao gồm thôn, thị trấn, xã, phường, huyện, tỉnh, thành phố, quốc gia)
(T)**

STT	Đơn vị/Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh KCT thôn, TDP (trước khi nghỉ việc)	Chức vụ, chức danh kiêm nhiệm (cũ) (ghi rõ nếu kiêm nhiệm KCT)	Tên thôn, TDP thời điểm trước sắp xếp, kiện toàn	Tình trạng thôn, TDP (thôn, TDP không sắp xếp; sắp xếp thôn A, thôn B thành thôn C)	Trình độ	
		Nam	Nữ					Trình độ văn hoá (Tiểu học, THCS, THPT)	Trình độ chuyên môn (nếu có: TC, CĐ, ĐH, chưa đào tạo)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Xã Ba Đình								
I	KCT thôn, tổ dân phố thuộc đối tượng nghỉ việc theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP								
1	Phạm Văn Đức	25-03-1990		Trưởng thôn Ba Nhà		Thôn Ba Nhà (cũ)	Sắp xếp thôn Ba Nhà và thôn Nước Lô thành thôn Ba Nhà	THPT	Chưa qua đào tạo
2	Phạm Văn Thịnh	13-07-1980		Trưởng Ban công tác Mặt trận		Thôn Đồng Dinh (cũ)	Sắp xếp thôn Đồng Dinh và thôn Gò Lê thành thôn Đồng Dinh	THPT	Chưa qua đào tạo
	Tổng cộng kinh phí (I)								
II	KCT thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng nghỉ việc theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP								

3	Phạm Văn Cam	30-12-1978		Trưởng Ban công tác Mặt trận		Thôn Kà La	Thôn không sắp xếp; địa phương kiện toàn Ban công tác Mặt trận thôn từ ngày 10/7/2026	THCS	Chưa qua đào tạo
4	Phạm Văn Tin	08-12-1977		Trưởng Ban công tác Mặt trận		Thôn Kách Lang	Thôn không sắp xếp; địa phương kiện toàn Ban công tác Mặt trận thôn từ ngày 10/7/2026	THCS	Chưa qua đào tạo
	Tổng cộng kinh phí (II)								

Lưu ý: Nhóm I thống kê kinh phí thực hiện ND 154 tại cột 22; Nhóm II thống kê kinh phí dự kiến tại cột 23. Các ô n

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ÔN, TỔ DÂN PHÓ NGHỊ VIỆC THUỘC ĐỐI TƯỢNG THEO KHOẢN 5 ĐIỀU 2 NGHỊ ĐỊNH THUỘC ĐỐI TƯỢNG CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP

DP sắp xếp và thôn, TDP không sắp xếp)

Гính đến ngày 22/8/2026)

[illegible]

Chưa qua đào tạo	Chưa qua đào tạo	11 năm 5 tháng (quy đổi 11,5 năm)		10-07-2026			X		Không	3.510.000
Chưa qua đào tạo	Chưa qua đào tạo	13 năm 8 tháng (quy đổi 14 năm)		10-07-2026			X		Không	3.510.000

ền vàng là nội dung cần bổ sung/xác nhận trước khi ký, gửi.

HIỆT ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-

DVT: đồng

Kinh phí thực hiện NĐ 154 đối với trường hợp thuộc đối tượng theo khoản 5 Điều 2 NĐ 154 (tính đối với nhóm I)	Dự kiến kinh phí thực hiện theo NĐ 154 đối với trường hợp đối tượng nghỉ việc không thuộc đối tượng theo NĐ 154 (tính đối với nhóm II)	Ghi chú
22	23	24
49.491.000		QĐ số 590/QĐ-UBND ngày 11/8/2026; kinh phí đang chờ thẩm định, phê duyệt.
66.163.500		QĐ số 590/QĐ-UBND ngày 11/8/2026; kinh phí đang chờ thẩm định, phê duyệt.
115.654.500		

	239.557.500	Chỉ là dự kiến nếu được cho phép áp dụng tương tự NĐ 154; tạm xếp điểm c
	252.720.000	Chỉ là dự kiến nếu được cho phép áp dụng tương tự NĐ 154; tạm xếp điểm c
	492.277.500	